[**BÀI 2. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH - QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC** 5](#_Toc92532709)

[1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 5](#_Toc92532710)

[1.1. Quan điểm của CNML về chiến tranh 5](#_Toc92532711)

[1.1.1. Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội 5](#_Toc92532712)

[1.1.2. Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh 6](#_Toc92532713)

[1.1.3. Bản chất của chiến tranh 7](#_Toc92532714)

[1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 7](#_Toc92532715)

[1.2.1. Hồ Chí Minh xác định tính chất xã hội của chiến tranh 8](#_Toc92532716)

[1.2.2. Hồ chí Minh khẳng định: Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng 8](#_Toc92532717)

[2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 9](#_Toc92532718)

[2.1. Quan điểm cảa CNMLN về quân đội 9](#_Toc92532719)

[2.1.1. Khái niệm về quân đội 9](#_Toc92532720)

[2.1.2. Nguồn gốc ra đời của quân đội 9](#_Toc92532721)

[2.1.3. Bản chất giai cấp của quân đội 10](#_Toc92532722)

[2.1.4. Sức mạnh chiến đấu của quân đội 11](#_Toc92532723)

[2.1.5. Nguyên tắc xây dựng quân đội 11](#_Toc92532724)

[2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 12](#_Toc92532725)

[2.2.1. Khẳng định sự ra đời của QĐ là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam 12](#_Toc92532726)

[2.2.2. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân 13](#_Toc92532727)

[2.2.3. Khẳng định, quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu 13](#_Toc92532728)

[2.2.4. Đảng lãnh đaọ tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội 14](#_Toc92532729)

[2.2.5. Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội 14](#_Toc92532730)

[3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN 15](#_Toc92532731)

[3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ tổ quốc 15](#_Toc92532732)

[3.1.1. Bảo vệ tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan 15](#_Toc92532733)

[3.1.2. Bảo vệ tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấpấp CN và nhân dân lao động 16](#_Toc92532734)

[3.1.3. Bảo vệ tổ quốc XHCN, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực QP, gắn với phát triển KT-XH 16](#_Toc92532735)

[3.1.4. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN 17](#_Toc92532736)

[3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN 17](#_Toc92532737)

[3.2.1. Bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN là một tất yếu khách quan 17](#_Toc92532738)

[3.2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và CNXH là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi công dân 18](#_Toc92532739)

[3.3.3. Sức mạnh bảo vệ tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại 18](#_Toc92532740)

[3.3.4. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN 19](#_Toc92532741)

[Nội dung biện pháp của Đảng ta về xây dựng bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay 19](#_Toc92532742)

[Kết luận 19](#_Toc92532743)

[CÂU HỎI ÔN TẬP 20](#_Toc92532744)

[**BÀI 10. XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH BẢO VỆ TỔ QUỐC** 21](#_Toc92532745)

[1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 21](#_Toc92532746)

[1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng trong bảo vệ an ninh Tổ quốc 21](#_Toc92532747)

[1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 22](#_Toc92532748)

[2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ 23](#_Toc92532749)

[2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ 23](#_Toc92532750)

[2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ 24](#_Toc92532751)

[2.2.1. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân BVANTQ 24](#_Toc92532752)

[2.2.2. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự 25](#_Toc92532753)

[2.2.3. Phối hợp chặt chẽ các LL, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ ANTT 27](#_Toc92532754)

[2.2.4. Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng làm nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ 27](#_Toc92532755)

[2.2.5. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc 29](#_Toc92532756)

[2.2.6. Lồng ghép nội dung phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương 29](#_Toc92532757)

[3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ ANTQ 29](#_Toc92532758)

[Kết luận 30](#_Toc92532759)

[**HỌC PHẦN 2.** 31](#_Toc92532760)

[**BÀI 6. AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG** 31](#_Toc92532761)

[I. Khái niệm an toàn thông tin 31](#_Toc92532762)

[1.1. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới 33](#_Toc92532763)

[1.2. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam 34](#_Toc92532764)

[II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng 37](#_Toc92532765)

[1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử 37](#_Toc92532766)

[1.1. Spam 37](#_Toc92532767)

[1.2. Tin giả 38](#_Toc92532768)

[1.3. Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả: 39](#_Toc92532769)

[2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH 39](#_Toc92532770)

[3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội 41](#_Toc92532771)

[4. Chiếm quyền giám sát Camera IP 42](#_Toc92532772)

[5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 42](#_Toc92532773)

[6. Deep web và Dark web 43](#_Toc92532774)

[6.1. Deep web 43](#_Toc92532775)

[6.2. Dark web 44](#_Toc92532776)

[III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 45](#_Toc92532777)

[1. Cơ sở pháp lý 45](#_Toc92532778)

[1.1. Bộ luật Hình sự năm 2015 45](#_Toc92532779)

[a. Hoàn cảnh ra đời 45](#_Toc92532780)

[b. Hiệu lực thi hành 45](#_Toc92532781)

[c. Bố cục của Bộ luật Hình sự 45](#_Toc92532782)

[1.2. Luật An toàn thông tin 2015 47](#_Toc92532783)

[a. Hoàn cảnh ra đời 47](#_Toc92532784)

[b. Hiệu lực thi hành 47](#_Toc92532785)

[c. Bố cục của Luật An toàn thông tin 47](#_Toc92532786)

[1.3. Luật An ninh mạng 2018 48](#_Toc92532787)

[a. Hoàn cảnh ra đời 48](#_Toc92532788)

[b. Hiệu lực thi hành 48](#_Toc92532789)

[c. Bố cục của Luật An ninh mạng 49](#_Toc92532790)

[2. Các biện pháp 50](#_Toc92532791)

[2.1. Thứ nhất: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng. 50](#_Toc92532792)

[2.2. Thứ hai: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng. 51](#_Toc92532793)

[2.3. Thứ ba: Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng. 51](#_Toc92532794)

[2.4. Thứ tư: Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng. 52](#_Toc92532795)

[2.5. Thứ năm: Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng. 53](#_Toc92532796)

# **BÀI 2. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH - QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Xuất phát từ quan điểm của giai cấp vô sản, lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, kế thừa và phát triển toàn diện những tư tưởng tiến bộ của nhân loại về các hiện tượng Chiến tranh, Quân đội. Mác, Ph.Ăng-ghen đặt nền móng cho toàn bộ học thuyết về CT - QĐ của giai cấp vô sản, đưa học thuyết trở thành khoa học, chỉ ra thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn cho giai cấp vô sản và loài người tiến bộ, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn tiến hành chiến tranh cách mạng và tổ chức xây dựng quân đội cách mạng.

Thời đại V.I.Lênin, chủ nghĩa tư bản phát triển đến giai đoạn tột cùng là chủ nghĩa đế quốc. Cuộc cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, nhà nước XHCN đầu tiên ra đời đã mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Trong điều kiện lịch sử mới. V.I.Lênin đã kế tục, bảo vệ, bổ sung, phát triển nhiều luận điểm mới, hoàn chỉnh học thuyết Mác-Lê Nin về Chiến tranh Quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trung thành với học thuyết Mác-Lê Nin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận về chiến tranh, quân đội nhân dân & QP toàn dân, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, việc nghiên cứu & quán triệt những quan điểm cơ bản của học thuyết Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy mới của Đảng ta về chiến tranh, quân đội & bảo vẽ Tổ quốc XHCN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó là cơ sở phương pháp luận trực tiếp cho việc xây dựng nền QP toàn dân vững mạnh nhằm bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

## 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

### 1.1. Quan điểm của CNML về chiến tranh

#### 1.1.1. Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội

- Chiến tranh là một trong những vấn đề phức tạp, trước Mác đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph.Claudơvít ( 1780 – 1831), Ông quan niệm : *Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình*. *Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến.* Ở đây, C.Ph.Claudơvít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, C.Ph.Claudơvít chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

- Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và đi đến khẳng định: *Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử*, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: C*hiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau.* Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt , sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

Như vậy chiến tranh có những đặc trưng cơ bản sau:

+ *Chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử.*

*+ Mọi cuộc chiến tranh đều lấy hình thức đấu tranh vũ trang là chủ yếu.*

*+ Chiến tranh bao giờ cũng gắn liền với mục đích chính trị của một Nhà nước, giai cấp nhất định.*

*Tại sao gọi chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội:* Bởi vì chiến tranh là một hiện tượng xảy ra trong xã hội và mang tính chính trị.

#### 1.1.2. Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: *Sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.*

Tiến trình xuất hiện, tồn tại và phát triển của xã hội loài người đã trải qua 05 giai đoạn: *(Công xã Nguyên thủy; Chiếm hữu Nô lệ; Phong kiến; Tư bản chủ nghĩa; Cộng sản chủ nghĩa”*

- Ăngghen khẳng định: lịch sử của xã hội loài người có giai đoạn không có chiến tranh đó là xã hội Công xã Nguyên thủy. Vì:

- Về kinh tế, không có của “dư thừa tương đối” để người này có thể chiếm đoạt lao động của người khác, mục tiêu các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như : Nguồn nước, bãi cỏ, vùng săn bắn hay hang động,…..

- Về mặt xã hội, xã hội Cộng sản nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột.

- Về mặt quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lưc lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Tất cả các thành viên của bộ lạc với mọi công cụ lao động thường ngày đều tham gia vào cuộc xung đột đó. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát.

*Theo đó, Ph. Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan*. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành “bạn đường” của mọi chế độ tư hữu.

- Phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, *V.I. Lênin chỉ rõ trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.*

Như vậy theo quan diểm của của nghĩa Mác-Lê Nin về nguồn gốc chiến tranh: *Chiến tranh bắt nguồn từ khi xuất hiện chế độ tư hữu, có giai cấp và nhà nước.*

#### 1.1.3. Bản chất của chiến tranh

- Theo V.I.Lênin: *“Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác” (cụ thể là bằng bạo lực). Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, cho rằng nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh là một hiện tượng lịch sử cụ thể.*

**+** Theo quan điểm Mác-Lê Nin: *“Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế”*; “Chính trị là mối quan hệ giữa các gia cấp, các dân tộc”, chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội.

+ Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó *chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh.*

+ Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là một kết quả phản ánh *những cố gắng cao nhất của chính trị.*

+ Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến.

+ Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hóa các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp.

+ Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chính trị xã hội.

- Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị “song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các Nhà nước và giai cấp nhất định.

### 1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

Hồ chí Minh đánh giá đúng bản chất, quy luật, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội.

- *Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc*, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh “con đĩa hai vòi”, một vòi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vòi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc – xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. “Người Pháp khai hóa văn minh bằng rượi lậu, thuốc phiện”.

- Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: “Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ”

🢡 Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

#### 1.2.1. Hồ Chí Minh xác định tính chất xã hội của chiến tranh

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

- Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định : “Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.

- Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh đươc tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

#### 1.2.2. Hồ chí Minh khẳng định: Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để “xây dựng lầu thắng lợi”. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc.

- Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuôc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

+ Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1946 : “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc…. hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thưc dân Pháp cứu nước”.

+ Để đánh thắng giặc xâm lược, Người tiếp tục khẳng định : “Ba mươi mốt triệu đồng bào ta ở cả hai Miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là ba mươi mốt triệu chiến sỹ anh dũng diệt cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”.

- Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận : Quân sự; chính trị; kinh tế; văn hóa…

🡪 Khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lý luận Mácxít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

## 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

### 2.1. Quan điểm cảa CNMLN về quân đội

#### 2.1.1. Khái niệm về quân đội

Theo Ph. Ăngghen: “Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự”.

- Như vậy theo Ph. Ăngghen, quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh vũ trang.

- Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (chủ nghĩa đế quốc), V.I.Lênin nhấn mạnh: Chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị đối ngoại là tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

#### 2.1.2. Nguồn gốc ra đời của quân đội

- Chủ nghĩa Mác – Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định : Quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động, giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

*🢡 Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội*.

Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

#### 2.1.3. Bản chất giai cấp của quân đội

- Bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó. Quân đội do giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối, quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

- Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp của quân đội là tương đối ổn định nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như : giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp của quân đội diễn ra dẩn dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

- Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm “Phi chính trị hóa quân đội”, cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp.

+ Thực chất quan điểm “phi chính trị hóa quân đội”của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược “ Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc.

+ Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lề thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

#### 2.1.4. Sức mạnh chiến đấu của quân đội

- Theo quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như : Con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, trong xây dựng chiến đấu cho quân đội, các Ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

- Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

* *Quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế;*
* *Chính trị - tinh thần và kỷ luật;*
* *Số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kỹ thuật;*
* *Trình độ huấn luyện và thể lực;*
* *Trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự;*
* *Bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp*.

Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định***,*** yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I.Lênin khẳng định: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”.

#### 2.1.5. Nguyên tắc xây dựng quân đội

- V.I.Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăng ghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản.

- V.I.Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới: (7ngt)

*+ Đảng cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân;*

*+ Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân;*

*+ Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản;*

*+ Xây dựng chính quy;*

*+ Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức;*

*+ Phát triển hài hòa các quân chủng; binh chủng;*

*+ Sẵn sàng chiến đấu.*

Trong đó sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Như vậy nguên tắc quan trọng nhất về xây dựng quân đội kiểu mới của Lê Nin là: Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với quân đội.

- Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin vẫn giữ nguyên giá trị; là cơ sở lý luận khoa học cho các Đảng cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

### 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

#### 2.2.1. Khẳng định sự ra đời của QĐ là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Người viết : “Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức”.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

- Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

- Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội Chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hy sinh to lớn mà phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

- Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sỹ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội.

- Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng cộng sản Việt Nam – Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

#### 2.2.2. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân

- Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược.

- Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện.

- Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22/12/1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: “quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ”. Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

- Trong bài nói truyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22/12/1964, một lần nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

- Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

#### 2.2.3. Khẳng định, quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu

- Đây là một trong những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lý luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính qui luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.

- Trong bài Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt ngày 3/3/1952, Người viết: “Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác”.

#### 2.2.4. Đảng lãnh đaọ tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội

- Đảng cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

- Cơ chế lãnh đạo của Đảng: Tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác Đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, quân đội nhân dân Việt Nan trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo lên những thế hệ “Bộ đội Cụ Hồ”, một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

#### 2.2.5. Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội

- Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính.

*Một là*, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu.

*Hai là*, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

- Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là:

+ Luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất.

+ Tiến hành công tác huấn luyện.

* Quân đội ta có ba chức năng: Đội quân chiến đấu; đội quân công tác; đội quân sản xuất.

+ *Là đội quân chiến đấu*: Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lý luận, chính trị - tư tưởng, văn hóa.

+ *Là đội quân công tác*: quân đội tham gia vân động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ *Là đội quân sản xuấ* : quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - QP ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng sa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh.

⭢ Thực tiễn hơn sáu mươi năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh : quân đội đã thực hiện đầy đủ và xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiểm hách trong chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây; trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

## 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

### 3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ tổ quốc

#### 3.1.1. Bảo vệ tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan

*- Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành qủa cách mạng của giai cấp công nhân.*

Trong điều kiện giai cấp tư sản nắm chính quyền, C.Mác và Ph. Ăngghen chỉ ra rằng, giai cấp công nhân phải đấu tranh trở thành giai cấp dân tộc, khi ấy chính giai cấp công nhân là người đại diện cho Tổ quốc, họ có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

*- Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*.

V.I.Lênin khẳng định: *“Kể từ ngày 25 tháng 10 năm 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành “ bảo vệ Tổ quốc”, nhưng cuộc chiến giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách là Tổ quốc”.*

*- Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc*.

V.I.Lênin đã chỉ ra, do quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó, trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập nhau cùng tồn tại và đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt.

- *Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới*.

+ Sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản trong nước tuy đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất. Do vậy, chúng tìm mọi cách liên kết với các phần tử phản động và chủ nghĩa tư bản bên ngoài hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của giai cấp công nhân.

+ Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, từ khi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa xuất hiện, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phải đương đầu chống trả những âm mưu và hành động lật đổ, xâm lược của kẻ thù bên trong và bên ngoài. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, mười bốn nước đế quốc tập trung bao vây hòng tiêu diệt nước Nga Xô viết.

+ Từ khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống thế giới, sự chống phá của kẻ thù càng quyết liệt hơn. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất của phong trào cách mạng thế giới, song nó cũng để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa những bài học đắt giá rằng: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có như vậy, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới tồn tại và phát triển.

⭢ Thực tiễn trên đây một lần nữa đã chứng minh cho luận điểm của V.I.Lênin rằng: giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó hơn.

#### 3.1.2. Bảo vệ tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấpấp CN và nhân dân lao động

- V.I.Lênin chỉ rõ: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- V.I.Lênin luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định: “Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết. đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hóa, mọi thành quả lao động của con người”.

#### 3.1.3. Bảo vệ tổ quốc XHCN, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực QP, gắn với phát triển KT-XH

- Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin đã khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết.

- V.I.Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp đề bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô Viết các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới.

- V.I.Lênin cùng Đảng Bôn - xê - vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hòa bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền QP, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

#### 3.1.4. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

V.I.Lênin chỉ ra rằng : *Đảng cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.*

- Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hy sinh.

- Trong quân đội, chế độ chính ủy được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là đại diện của Đảng, để thực hiện lãnh đạo của Đảng trong quân đội.

- Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các nghành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN

#### 3.2.1. Bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN là một tất yếu khách quan

- Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ:

Bác Hồ nói với Đại đoàn quân tiên phong tại Đền Hùng năm 1954.

*+ “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.*

Ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc và kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12- 1946, Người nói: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ… Hỡi đồng bào ! Chúng ta phải đứng lên !...”. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân cho kháng chiến lâu dài.

+ Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lý rằng: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do”.* Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”.

+ Trước khi đi xa, trong Di chúc Người căn dặn : “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”.

- Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

#### 3.2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và CNXH là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi công dân

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam.

- Trong Bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

Theo tư tưởng Hồ Chí minh mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### 3.3.3. Sức mạnh bảo vệ tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm :Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các nghành từ Trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế văn hóa - xã hội , sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người phân tích : Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng.

Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc.

Người căn dặn: “Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hòa bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

#### 3.3.4. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : “Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, góp phần bảo vệ công cuộc hòa bình ở Á Đông và trên thế giới” và Người khẳng định: “Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc và tinh thần tự lực cánh sinh của mình, sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á – Phi. Nhân dân ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn ; làm tròn được nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và Chính phủ đã đề ra”.

## Nội dung biện pháp của Đảng ta về xây dựng bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay

🢡 Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây:

Một là, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng nền QP toàn dân và AN nhân dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Ba là, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp QP và AN, bảo vệ Tổ quốc.

## Kết luận

Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền QP, AN, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên cho đến nay những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình để góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nội dung đó trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

**PHẦN 3. KẾT THÚC GIẢNG DẠY**

- Hệ thống lại toàn bộ bài giảng cho sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên ôn luyện: ôn theo các câu hỏi, chú ý phần trọng tâm, liên hệ trách nhiệm của bản thân trong tham gia học môn học GDQPAN.

- Nhận xét buổi học.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh?

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

# **BÀI 10. XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự toán xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

Ngày nay trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, có những thuận lợi mới, song vẫn còn nhiều trở lực và thách thức; Đảng và nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, phát huy khối đại đoàn kết trong cộng đồng các dân tọc Việt Nam để cùng xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

## 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

### 1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

***1.1.1. Một số quan điểm về quần chúng***

*a. Khái niệm quần chúng nhân dân*

Quần chúng nhân dân là sự quần tụ liên hợp số đông những người lao động, những người làm cách mạng. Hoạt động của họ có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

*b. Quan điểm về quần chúng*

- Triết học duy tâm: Xã hội chia làm hai hạng người “Hạng thượng lưu” và hạng “thứ dân”; Thượng đế, thánh thần là tuyệt đối; vua là thiên tử, thay trời trị dân.

- Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại: Nêu vấn đề “Dân chủ”, “Lấy dân làm gốc ” nhưng khác nhau về bản chất.

- Quan điểm của CNMLN: Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. “Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng. Quần chúng nhân dân lao động là người làm nên lịch sử”.

- Quan điểm của Đảng và Bác Hồ: **“**Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn dân. Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân; Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”**.**

***1.1.2. Vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào BVANTQ***

- Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

- Khi nào người dân có ý thức tự giác, có tinh thần làm chủ trong việc xây dựng cuộc sống mới lành mạnh, khi đó sẽ khắc phục dần những sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

- Lực lượng công an có hạn, nên công tác bảo vệ an ninh trật tự không thể thực hiện bằng chuyên môn đơn thuần mà phải làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân.

Khi tổng kết phong trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Nhân dân giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn".

### 1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

***1.2.1. Khái niệm phong trào toàn dân BVANTQ***

Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

***1.2.2. Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ***

- Giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cáchmạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh - trật tự nói riêng.

- Là một bộ phận gắn bó khăng khít, chặt chẽ với các phong trào hành động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương, đơn vị.

- Giữ vị trí chiến lược, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng Công an nhân dân.

- Là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

***1.2.3. Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh - trật tự***

Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

***1.2.4. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc***

- Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội.

- Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau.

- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương.

## 2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

### 2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

***2.1.1. Giáo dục, nâng cao cảnh giác mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế thù địch trong và ngoài nước***

- Chống chiến tranh tâm lý phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch.

- Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia.

- Chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị.

- Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ.

***2.1.2. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm***

- Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.

- Vận động nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư.

- Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh mỹ quan nơi công cộng…

- Hướng dẫn và vận động nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hoá phẩm độc hại.

- Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư.

***2.1.3. Xây dựng và mở rộng mối liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương***

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với các đoàn thể, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

- Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp.

***2.1.4.******Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh***

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng công an.

### 2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ

#### 2.2.1. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân BVANTQ

*a.**Nắm tình hình*

- Nội dung nắm tình hình bao gồm:

+ Vị trí địa lý, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc.

+ Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như: Tình hình âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; Tình hình tai nạn, tệ nạn xã hội; Tình hình các loại đối tượng cần quản lý giáo dục ở từng cụm dân cư.

+ Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

+ Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào hành động cách mạng của địa phương.

+ Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kỳ.

+ Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng để kích động quần chúng.

- Phương pháp nắm tình hình:

+ Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn như: Tài liệu về tình hình an ninh trật tự ở địa phương qua các năm;nBáo cáo sơ kết, tổng kết về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc qua từng thời kỳ; Tài liệu quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý các nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ; Tài liệu về tổ chức giữ gìn trật tự công cộng và các tài liệu quản lý hành chính khác mà chính quyền và các cơ quan chức năng đang quản lý.

+ Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau như: Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân ở địa phương; Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình.

*b. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

- Nội dung của kế hoạch gồm những vấn đề cơ bản như sau:

+ Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân, thực trạng phong, xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ trong thời gian tới.

+ Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân cùng bảo vệ an ninh Tổ quốc .

+ Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung đó.

+ Xác định cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, như: Phân công trách nhiệm và quy định mối quan hệ phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, giữa các lực lượng tham gia xây dựng phong trào; Phân chia các bước và thời gian thực hiện từng bước, tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Xác định điều kiện vật chất cần có để bảo đảm xây dựng phong trào đạt kết quả.

*- Phương pháp xây dựng kế hoạch:*

+ Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành viết dự thảo kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng về thể thức văn bản.

*+* Gửi bản thảo kế hoạch đến các tổ chức cá nhân có liên quan để lấy ý kiến đóng góp, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch.

*+* Tiếp thu ý kiến đóng góp, nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

#### 2.2.2. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự

*a.**Tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân*

- Nội dung tuyên truyền giáo dục:

+ Tuyên truyền để nhân dân nhân thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, nhận thức rõ bản chất sâu xa của chúng, thấy được tầm quan trọng, tính chất phức tạp, quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự.

+ Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định thêm những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục.

- Phương pháp tuyên tuyền giáo dục:

+ Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ… để tuyên truyền.

+ Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên.

+ Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề.

+ Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự.

+ Trước hết phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhân thức cho cán bộ của các ban trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân.

+ Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động.

*b. Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự*

- Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm:

+ Hướng dẫn quần chúng bảo vệ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; quản lý, giáo dục các đối tượng.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân phát hiện tố giác với Công an, chính quyền địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lề thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng Công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

- Phương pháp hướng dẫn quần chúng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

Đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng; từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

#### 2.2.3. Phối hợp chặt chẽ các LL, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ ANTT

-Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào cần phải có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương.

- Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề:

+ Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, xã các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản, Hội đồng bảo vệ trật tự xã hội, Ban bảo vệ dân phố, lực lượng dân phòng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của các cơ quan doanh nghiệp.

+ Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh - trật tự trên địa bàn.

+ Phối hợp trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong công tác tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

#### 2.2.4. Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng làm nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

*a. Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động nhân dân*

Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng Công an với nhân dân vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.

-Các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở*.* Hiện nay ở các cơ sở xã, phường trong toàn quốc thường có 3 loại hình tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự là:

*+ Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn:* Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn); Thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Cựu chiến binh, Chủ tịch phụ nữ. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ; Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp…

+ *Loại có chức năng quản lý, điều hành*: Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn: ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ty; Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ *Loại có chức năng thực hành*: Tổ an ninh nhân dân, an ninh công nhân, đội dân phòng, đội thanh niên xung kích an ninh; Có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

- Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn có uy tín với quần chúng.

- Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm.

- Bồi dư­ỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc.

- Thư­ờng xuyên có kế hoạch bồi d­ưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

- Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối.

*b. Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt*

Được tiến hành như sau:

- Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng: căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng.

- Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.

- Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, chế độ nội quy, quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ, bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định.

- Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

- Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạng của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập tổ chức.

#### 2.2.5. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc

- Điển hình tiên tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt dược thành tích xuất sắc nổi trộitrong phong trào, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo.

- Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phổ biến rộng khắp. Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây:

+ Lựa chọn điển hình tiên tiến.

+ Tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến.

+ Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến;

+ Mở Hội nghị nhân điển hình tiên tiến.

+ Sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng.

#### 2.2.6. Lồng ghép nội dung phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương

- Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước, nội dung đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự là nội dung bảo vệ tài sản công dân phòng ngừa tội phạm.

- Kết hợp giáo dục những người cần phải giáo dục tại địa phương với nội dung xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá.

- Trong phong trào học sinh, sinh viên thanh lịch của nhà trường lồng ghép với phong trào chấp hành luật giao thông.

## 3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ ANTQ

- Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ ANTT của Tổ quốc.

- Tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.

- Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương.

- Nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết.

## Kết luận

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc nói chung và bảo vệ an ninh nói riêng là sự nghiệp của toàn dân, được đông đảo nhân dân tham gia và đã mang lại những kết quả to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Xã hội hóa công tác bảo vệ an ninh quốc gia là một chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới. Thực tiễn sinh động của đất nước trong thời gian qua đang chứng minh sự sáng tạo đúng đắn đó.

**PHẦN 3. KẾT THÚC GIẢNG DẠY**

- Hệ thống lại toàn bộ bài giảng cho sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên ôn luyện: ôn theo các câu hỏi, chú ý phần trọng tâm, liên hệ trách nhiệm của bản thân trong tham gia học môn học GDQPAN.

# **HỌC PHẦN 2.**

# **BÀI 6. AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠN****G**

### I. Khái niệm an toàn thông tin

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và các biện pháp đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), gắn liền với công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ “phải gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia”, đặc biệt cần “phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông” để có các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật, sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Theo Nghị định 64-2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “*An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng*”.

Luật An toàn thông tin mạng được ban hành năm 2015 đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng. Theo đó: “*An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin*”.

Ngày 12/6/2018, Luật An ninh mạng được Quốc hội khóa XIV thông qua với tỷ lệ 86.86%, gồm 7 chương, 43 điều, quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sự ra đời của Luật An ninh mạng là bước đột phá trong lịch sử lập pháp của Việt Nam, đảm bảo quyền và nghĩa vụ công dân trên không gian mạng. Theo đó: “*An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”. Khác với Luật An toàn thông tin mạng 2015 với mục đích để bảo vệ sự an toàn thông tin trên 03 phương diện: Tính nguyên vẹn của thông tin, tính bảo mật thông tin và tính khả dụng của thông tin; Luật An ninh mạng 2018 quy định tập trung vào chống lại các thông tin độc hại, xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trên môi trường mạng.

Xét về khái niệm “*Tội phạm sử dụng công nghệ cao*”, hiện nay luật pháp của nhiều nước trên thế giới như Australia, Mỹ, Anh đã có định nghĩa liên quan đến tội phạm này như: Tội phạm công nghệ cao (high-tech crime), Tội phạm máy tính (computer crime), Tội phạm liên quan đến máy tính (computer-related crime); tội phạm mạng (cybercrime)... Trong Luật Hình sự của Australia, tội phạm công nghệ cao (high-tech crime) được định nghĩa là “sự xâm nhập máy tính một cách trái phép; sự sửa đổi trái phép dữ liệu bao gồm việc phá hủy dữ liệu; tấn công từ chối dịch vụ (DoS); tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS); tạo ra và phân phối phần mềm độc hại”. Theo Từ điển luật học Black’s Law, tội phạm máy tính (computer crime) được định nghĩa là: “tội phạm đòi hỏi về kiến thức công nghệ máy tính chẳng hạn như phá hoại hoặc ăn cắp dữ liệu máy tính hay sử dụng máy tính để thực hiện một số tội phạm khác”.

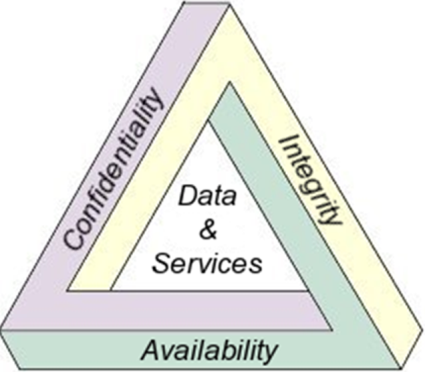
Tại Việt Nam, theo Khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định: “Tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự có sử dụng công nghệ cao”. Theo khoản 1 điều 3 của Luật Công nghệ cao năm 2008 quy định: “Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có”.

Theo Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam (2019), tội phạm sử dụng công nghệ cao là loại tội phạm sử dụng những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của loại tội phạm này thường là những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện [4].

Giáo trình “Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao” của Học viện Cảnh sát nhân dân (2015) có đề cập đến khái niệm về tội phạm sử dụng công nghệ cao. Theo đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao là: “Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân” [5].

Nghiên cứu các định nghĩa và khái niệm trên có thế thấy điểm chung trong nội hàm của các khái niệm này đều chỉ các hành vi liên quan đến việc sử dụng máy tính, thiết bị số, khai thác mạng máy tính, mạng viễn thông để gây tổn hại cho lợi ích của các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Tội phạm sử dụng công nghệ cao là tội phạm sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin, dữ liệu, tín hiệu được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị số, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân. Trong những hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao có những hành vi tác động trực tiếp đến ba đặc điểm quan trọng nhất của an toàn thông tin (ATTT). ATTT yêu cầu đảm bảo ba đặc điểm là: Tính bí mật (*Confidentiality*), tính toàn vẹn (*Integrity*) và tính sẵn sàng (*Availability*) - được mô hình hóa gọi là tam giác bảo mật CIA.

Một giải pháp an toàn bảo mật xây dựng cần nhằm đạt được cả ba mục tiêu cơ bản trên. Cần phân biệt sự khác biệt giữa tính bí mật và tính toàn vẹn. Có những tấn công phá vỡ tính toàn vẹn nhưng không phá vỡ tính bí mật và ngược lại. Nếu ta gửi thông tin trên đường truyền mạng công cộng mà có kẻ bên ngoài xem được thông tin, đó là tính bí mật đã bị vi phạm. Nếu kẻ gian can thiệp sửa đổi, dù chỉ một bit trên những gói tin này và người nhận tin không phát hiện ra sự thay đổi đó, thì tính toàn vẹn đã bị xâm phạm. Mặc dù ta không thể ngăn chặn việc sửa đổi khi các gói tin đi qua các điểm trung gian không thuộc quyền kiểm soát, nếu ta phát hiện được sự thay đổi trái phép, thì ta có thể yêu cầu phát lại. Như vậy tính toàn vẹn vẫn được coi là đảm bảo. Các kỹ thuật mật mã là các công cụ cơ bản nhằm xây dựng dịch vụ đảm bảo tính bí mật và tính toàn vẹn.



**Hình 1. Tam giác bảo mật CIA**

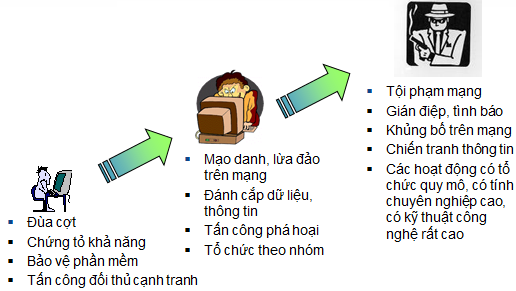
### 1.1. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là một dạng tài nguyên. Chính vì thế, đảm bảo an ninh, ATTT là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên hiện nay, các mối đe dọa từ không gian mạng không ngừng tăng lên và thay đổi nhanh chóng. An ninh mạng đang trở thành vấn đề nóng, đặt ra nhiều thách thức đối với tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Tình hình ATTT mạng diễn biến phức tạp, liên tục xảy ra các vụ tấn công, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu trên hệ thống mạng của các cơ quan chính phủ, các cơ sở an ninh quốc phòng, tập đoàn kinh tế, cơ quan truyền thông của nhiều quốc gia, như các vụ tấn công vào hệ thống thư điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, hệ thống máy tính của Nhà trắng, Hạ viện Đức, Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Cảnh sát liên bang Australia,…

Các mục tiêu tấn công đã thay đổi, kỹ thuật trở nên phức tạp hơn, hướng tấn công đa dạng hơn và công cụ tấn công được thiết kế chuẩn xác hơn. Những kẻ tấn công đã nghiên cứu kỹ các nạn nhân để có những chiến lược tấn công phù hợp, nhằm tạo ra những ảnh hưởng lớn nhất có thể.

Tài chính là mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động, với 73% số lượng các cuộc tấn công mạng; chính trị, tình báo là mục tiêu lớn thứ hai, với 21% các cuộc tấn công.

Các nhóm tội phạm mạng có tổ chức xuất hiện nhiều hơn. Chiến tranh mạng và đội quân tác chiến mạng cũng được chú trọng hơn. Trong cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng toàn cầu, các quốc gia đang xây dựng các trung tâm chỉ huy không gian mạng, nhằm củng cố hệ thống phòng thủ chống lại các cuộc tấn công mạng vào các cơ quan và cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, sự phát triển và phổ biến của mạng xã hội đã làm nảy sinh một nguy cơ ATTT nữa đó là việc lan truyền tin tức giả mạo thông qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức, thậm chí là tình hình an ninh, chính trị của cả một đất nước. Tiền ảo và các hành vi tội phạm liên quan đến tiền ảo cũng đang tiếp tục phát triển, bao gồm lây nhiễm phần mềm độc hại đào tiền ảo tới máy tính, máy chủ; lây nhiễm mã độc đào tiền ảo tới một trang web, sử dụng tài nguyên thiết bị của người tải trang web; đánh cắp tiền từ giao dịch tiền ảo. Hình dưới đây mô tả xu thế chung của tấn công mạng hiện nay.



**Hình 2. Xu thế tấn công mạng hiện nay**

### 1.2. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam

Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Báo cáo của hãng bảo mật Kaspersky và Symantec cho thấy, Việt Nam đứng thứ 3 (3,96%) sau Nga (4%) và Ấn Độ (8%) về số người dùng di động bị mã độc tấn công nhiều nhất trên thế giới; thứ 6 trên thế giới về số lượng địa chỉ IP trong nước được dùng trong các mạng máy tính ma tấn công nước khác; thứ 7 trên thế giới về phát tán tin nhắn rác và đứng thứ 12 trên thế giới về các hoạt động tấn công mạng. Đáng chú ý là hoạt động tấn công mạng nhằm vào Việt Nam gia tăng về số lượng, gây nguy cơ bị kiểm soát, khống chế hệ thống thông tin. Tin tặc nước ngoài thường xuyên lợi dụng các điểm yếu về an ninh mạng của hệ thống thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Việt Nam để tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, chỉnh sửa nội dung.

Năm 2011 có trên 1.500 cổng thông tin Việt Nam bị tin tặc sử dụng mã độc gián điệp dưới hình thức tập tin hình ảnh xâm nhập, kiểm soát, cài mã độc thay đổi giao diện trang chủ. Trong năm 2012 - 2013, Bộ Công an đã phát hiện gần 6.000 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử của Việt Nam (trong đó có hơn 300 trang của cơ quan nhà nước) bị tấn công, chỉnh sửa nội dung và cài mã độc. Năm 2014, Bộ Công an phát hiện gần 6.000 trang bị tấn công, chiếm quyền quản trị, chỉnh sửa nội dung (có 246 trang tên miền gov.vn). Đặc biệt, sau sự kiện giàn khoan HD 981 hạ đặt trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, tin tặc nước ngoài đã tấn công hơn 700 trang mạng Việt Nam và hơn 400 trang trong dịp Quốc khánh (2/9) để chèn các nội dung xuyên tạc chủ quyền của Việt Nam với quần đảo Hoàng Sa. Vào cuối năm 2014, tin tặc cũng đã mở đợt tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp khiến nhiều tờ báo mà công ty này đang vận hành kỹ thuật như Dân trí, Người lao động, Soha, VNEconomy, Kenh14… bị tê liệt. Năm 2015 có trên 2.460 website của các cơ quan, doanh nghiệp bị xâm nhập. Nguy cơ từ mã độc và Internet of Things (IoT) bùng nổ tạo “thị trường” lớn cho hacker là hai trong số những nguy cơ an ninh mạng mà người dùng phải đối mặt. Cuối năm 2016, thông tin hơn 73.000 camera IP, trong đó có gần 1.000 camera tại Việt Nam có thể bị theo dõi được công bố rộng rãi. Nguyên nhân là do người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh của những thiết bị này, không thay đổi mật khẩu mặc định của hệ thống trước khi kết nối Internet. Bảo mật các thiết bị IoT là rất quan trọng, đặc biệt khi người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh cho các thiết bị này.



**Hình 3. Màn hình thông tin thông báo chuyến bay bị thay đổi giao diện**

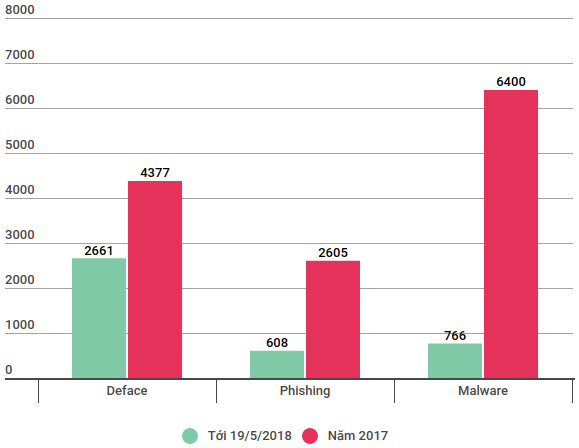
Trong năm 2016, nổi bật là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyến bay tại khu vực làm thủ tục chuyến bay của các sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Quốc. Các màn hình của sân bay đã bị chèn những hình ảnh và nội dung xuyên tạc về biển Đông. Hệ thống phát thanh của sân bay cũng phát đi những thông điệp tương tự. Đồng thời website của Vietnam Airlines cũng bị tấn công với 411.000 dữ liệu của hành khách đi máy bay đã bị hacker thu thập và phát tán.

Năm 2017 mã độc tống tiền (ransomware) có tên là Wanna Cry trở thành mối nguy hiểm của ngành công nghệ thông tin và nó lây nhiễm với tốc độ chóng mặt ở gần 100 quốc gia, hơn 100 nghìn máy tính. Tại Việt Nam, ghi nhận hơn 100 máy tính bị nhiễm độc. Wanna Cry là một loại mã nhiễm độc tấn công vào máy nạn nhận qua tệp tin đính kèm email hoặc đường link độc hại, như các dòng ransomware khác. Mối nguy hiểm nhất ở mã độc này là nó có khả năng lây nhiễm trên các máy tính ngang hàng. Cụ thể, Wanna Cry sẽ quét toàn bộ các máy tính trong cùng mạng để tìm kiếm thiết bị chứa lỗ hổng của dịch vụ đọc và ghi file từ máy trạm yêu cầu đến máy chủ trong hệ thống Windows. Từ đó, mã độc có thể lây lan vào các máy có lỗ hổng mà không cần người dùng phải thao tác trực tiếp với file đính kèm hay link độc hại.



**Hình 4. Màn hình thông tin đòi tiền chuộc khi nhiễm mã độc WannaCry**

Năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên mức kỷ lục 14.900 tỷ đồng, tương đương 642 triệu USD, nhiều hơn 21% so với mức thiệt hại của năm 2017. Đây là kết quả được đưa ra từ chương trình đánh giá an ninh mạng do Tập đoàn công nghệ Bkav thực hiện tháng 12/2018. Trên phạm vi toàn cầu, tội phạm mạng gây thiệt hại lên tới khoảng 600 tỷ USD mỗi năm, tương đương 0,8% GDP toàn cầu. Trong đó, khu vực Đông Á thiệt hại ước tính từ 120 – 200 tỷ USD, tương đương 0,53 – 0,89% GDP khu vực. Mức thiệt hại 642 triệu USD tương đương 0,26% GDP của Việt Nam tuy chưa phải cao so với khu vực và thế giới, nhưng cũng là kỷ lục đáng báo động. 60% hệ thống mạng cơ quan, doanh nghiệp bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Theo Bkav, có tới hơn 60% cơ quan, doanh nghiệp tại Việt Nam bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Trung bình cứ 10 cơ quan, doanh nghiệp, thì có 6 nơi bị mã độc chiếm quyền điều khiển máy tính đào tiền ảo, gây mất an ninh thông tin.



**Hình 5. Tình hình an toàn thông tin tại Việt Nam năm 2017 – 2018**

Trong năm 2019, số cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin Việt Nam có chiều hướng giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Bộ TT&TT ghi nhận 3.159 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 2.684 cuộc, tương đương 45,9% so với cùng kỳ năm 2018. Theo Cục ATTT (Bộ TT&TT) trong 4 tháng đầu năm 2020 tổng cộng 1.056 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam dẫn đến sự cố (553 cuộc Phishing, 280 cuộc Deface, 223 cuộc Malware), đã giảm 51,4% với 4 tháng đầu năm 2019.

Đạt được những kết quả trên cho thấy việc nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức và người dùng, thông qua các hội nghị, hội thảo cũng như các chương trình tập huấn, diễn tập. Bên cạnh đó, các quy định, chế tài pháp luật đã đầy đủ và có tính răn đe hơn như sự ra đời của Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Sự phối hợp và tuân thủ của các tổ chức Internet lớn trên thế giới với luật pháp Việt Nam cũng tốt hơn. Đặc biệt, nhận thức về ATTT của tổ chức, cá nhân đã được nâng cao, các biện pháp phòng vệ chủ động đã tốt hơn, công tác đánh giá an toàn thông tin được thực hiện nhiều hơn.

Trong Chỉ thị 01 về định hướng phát triển ngành TT&TT năm 2020, Bộ trưởng Bộ TT&TT đã nhấn mạnh, an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để phát triển Chính phủ điện tử và chuyển đổi số, do đó phải đi trước một bước. Chỉ thị 01 cũng nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2020 của lĩnh vực an toàn, an ninh mạng như: 100% cơ quan, tổ chức tại Việt Nam triển khai bảo vệ an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp; 100% bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia của Bộ TT&TT...

## II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng

### 1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử

### 1.1. Spam

Spam hay còn gọi là tin rác, là viết tắt tắt của Stupid Pointless Annoying Messages, từ này có ý nghĩa là những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung [1].

Thuật ngữ spam lần đầu xuất hiện vào năm 1978, khi một người đàn ông gửi thư có nội dung y hệt nhau đến 393 người cùng lúc để quảng cáo sản phẩm mới của mình. Ngày nay, spam xuất hiện trên nhiều phương tiện như spam chat, spam tin tức, spam tin nhắn, spam trong forum, spam trên những mạng xã hội.

### 1.2. Tin giả

Theo định nghĩa của từ điển Collins, tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

Tin giả được tạo ra bằng nhiều hình thức tinh vi. Đặc biệt, hiện nay nhiều đối tượng đã sử dụng CNTT làm giả tiếng, giả hình, giả video để tạo ra tin giả.

- Giả hình: Công nghệ cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả, nhiều người nổi tiếng đã là nạn nhân. Và nguy hại hơn nếu họ cắt ghép với hình ảnh những chính trị gia, người có uy tín cộng đồng để tạo dư luận giả.

- Giả tiếng: Sử dụng công nghệ TTP (công cụ chuyển văn bản thành tiếng nói - text to speech) để tạo ra các cuộc gọi tự động với giọng robot thu sẵn. Từ nhiều năm trước đã có những người sử dụng công nghệ này để thay họ đọc thông tin, tin tức do họ "xào nấu" ra. Hiện nhiều người đang dùng công nghệ này cho các chương trình trên YouTube.

- Giả video: Thực hiện bằng cách cắt ghép hình ảnh người dẫn chương trình lồng vào dẫn bản tin giả. Clip giả nhưng có người dẫn chương trình sống động như thật. Loại hình ảnh giả này "buộc" người xem nghĩ đó là những thông tin thật vì có hình ảnh quen mặt của người dẫn chương trình truyền hình.

Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích sau:

- Chính trị: Tin giả được lợi dụng vào các âm mưu chính trị và làm rối loạn XH.

- Thương mại: Ngày càng nhiều người biết cách tận dụng công cụ hiện đại, những nền tảng mạng xã hội để phát tán thông tin giả. Số lượng tin giả đối với doanh nghiệp, kinh doanh cũng tăng lên tỷ lệ thuận với tin giả trong các lĩnh vực khác nói chung. Các cách thức phát tán tin giả với doanh nghiệp phổ biến như, đối thủ cạnh tranh sử dụng tin giả để tấn công phía bên kia, dùng những cách thức để bôi xấu về những sự cố đã từng xảy ra trong quá khứ và khi một sự cố vừa xảy ra thì họ sẽ tìm mọi cách để họ nhân rộng sự lên. Hay những tin giả hoàn toàn không có thật liên quan đến vấn đề kinh doanh, vấn đề quan hệ cá nhân của những cán bộ cấp cao, vấn đề bằng cấp, đầu tư mờ ám, liên quan đến nguồn tiền bất hợp pháp có rất nhiều cách thức để làm ảnh hưởng đến một doanh nghiệp, đối thủ. Tin giả bịa đặt để gây bức xúc, tâm lý "tăng tương tác, tăng bán hàng" đã khiến một bộ phận bán hàng trực tuyến chủ động tạo và lan truyền tin giả với mục đích kinh tế hết sức rõ ràng.

### 1.3. Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả:

Nghị định 15 có hiệu lực từ ngày 15-4-2020 thay thế cho Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Một nội dung đáng chú ý trong Nghị định 15 đó là quy định rõ hơn về hành vi vi phạm và trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội, kèm theo là mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi tung thông tin giả mạo, gây hoang mang dư luận trên mạng XH.

- Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.

- Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng. Mức phạt lên đến 80 triệu đồng đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại (tăng cao so với mức xử phạt được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP chỉ từ 40-50 triệu đồng). Riêng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác thì mức phạt tiền sẽ từ 180-200 triệu đồng.

Đối với các hành vi kể trên, ngoài phạt tiền còn bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 1-3 tháng; tước quyền sử dụng mã số quản lý, tên định danh từ 1-3 tháng; buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông.

Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: gỡ bỏ thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

Theo thông tin từ đại diện Bộ Công an tại cuộc họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1-2020, liên quan đến việc xử lý người dân đăng tin sai lệch về tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương vào cuộc đấu tranh, triệu tập các đối tượng, xử lý, yêu cầu cam kết gỡ bỏ, căn cứ theo Khoản 3, Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và quy định trong việc loan tin đồn sai qua mạng, xử phạt vi phạm hành chính khoảng 800 người.

### 2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH

Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;

b) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Theo Khoản 1, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;

c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Theo Khoản 2, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

a) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;

b) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

### 3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội

Một số hình thức, thủ đoạn được các đối tượng sử dụng để chiếm đoạt mạng xã hội như sau:

- Hình thức Phishing: Đây là hình thức chiếm đoạt một tài khoản facebook phổ biến nhất hiện nay và cho đến bây giờ nó vẫn là cách được hacker sử dụng nhiều nhất. Không riêng gì facebook mà hầu hết các loại website nào mà có account đăng nhập đều sử dụng được hình thức này. Sau đây là nguyên lý hoạt động:

+ Kẻ tấn công sẽ phát tán một đường link ở nhiều nơi và nhất là trên Facebook với những tiêu đề gây sốc như: Click vào đây để xem xxx .... gây kích thích và sự tò mò cho người xem.

+ Khi người dùng click vào đường dẫn sẽ được đưa đến một website có giao diện giống 100% facebook và yêu cầu bạn đăng nhập tài khoản của mình. Đây không phải là trang facebook mà chỉ là một website có giao diện giống facebook. Nếu người dùng đăng nhập tài khoản facebook vào thì tất cả tài khoản, mật khẩu sẽ được gửi về email hay sever của kẻ tấn công, như vậy các hacker đã dễ dàng lấy được nick facebook của người dùng.

- Dò mật khẩu: Sau phishing facebook thì đây là một hình thức phổ biến tuy xác xuất thành công không cao nhưng không thể không nói đến nó vì có nhiều người dùng sử dụng những mật khẩu quá đơn giản kiểu như: 123456 , matkhau, số điện thoại , họ và tên....Đây là những sai lầm ở phía người dùng khi đặt mật khẩu facebook. Hacker sử dụng những phần mểm chuyên dò pass để đi dò mật khẩu nick facebook của người dùng. Với cách này bản chất nó không phải hack mà là mò pass facebook nhưng một khi bị mất mật khẩu thì đồng nghĩa với việc bạn bị mất tài khoản.

- Sử dụng trojan, Keylog: Kẻ tấn công sẽ chèn một đoạn mã vào một ứng dụng,tập tin nào đó rồi gửi thông qua inbox, comment trên facebook hay bất cứ đâu. Khi người dùng click vào đường dẫn đó thì ứng dụng, tập tin đó sẽ được tự động tải về máy, sau đó keylog sẽ ghi lại tất cả những thao tác trên bàn phím của người dùng rồi gửi về cho kẻ tấn công.

- Sử dụng chương trình khuyến mãi - trúng thưởng hay Mini Game: Hacker sẽ giả chương trình trúng thưởng - khuyến mãi trên danh nghĩa của Facebook (trúng thưởng xe máy, ô tô, tiền mặt… có giá trị cao) và yêu cầu người dùng xác nhận bằng cách truy cập vào đường link lạ. Các Mini game trên facebook như: "Bạn giống cầu thủ bóng đá nào?", "Tương lai bạn sẽ kết hôn với ai?", "Ai là người quan tâm bạn nhất?",... Cũng được những kẻ này sử dụng để chiếm lấy tài khoản facebook bằng cách buộc người chơi đăng nhập mật khẩu trước khi tham gia.

- Lỗ hổng bảo mật facebook: Là hình thức tấn công nick facebook mạng tên “3 Friends”. Đây là hình thức lấy lại mật khẩu của facebook thông qua việc sử dụng 3 người bạn facebook bất kì trong danh sách bạn bè. Ví dụ khi bạn quên mật khẩu thì bạn có thể gửi yêu cầu để facebook gửi 3 mã code về cho 3 người bạn này.

Kẻ tấn công chiếm đoạt tài sản mạng xã hội nhằm các mục đích sau:

- Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

- Hack nick facebook vì những thù hằn của cá nhân.

### 4. Chiếm quyền giám sát Camera IP

Trong những năm gần đây, thị trường Camera IP wifi phát triển nhanh chóng do nhu cầu sử dụng của người dân tăng mạnh. Những thiết bị này chủ yếu có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc, Đài Loan với giá thành rất rẻ. Tuy nhiên, đi kèm theo đó là các rủi ro và nguy cơ bảo mật. Đã có nhiều gia đình, cá nhân bị lộ clip riêng tư do camera giám sát bị các đối tượng xấu chiếm quyền giám sát. Một số thủ đoạn:

*Cách thứ nhất*: Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép. Cách này rất phổ biến, bởi đa số người dùng camera hiện tại thường sử dụng Password mặc định của nhà cung cấp.

*Cách thứ hai*: Hacker sẽ dùng một phần mềm gián điệp cài trên Camera quan sát để tạo thành một mạng Botnet sử dụng trong một hình thức tấn công nổi tiếng đó là DDOS.

Ví dụ: Ngày 28/12/2019, video được đăng trên một trang web phim người lớn được cho là quay lại cảnh sinh hoạt của ca sĩ Văn Mai Hương. Những video này được ghi lại từ năm 2015 qua camera IP (camera giám sát) trong căn hộ của nữ ca sĩ.

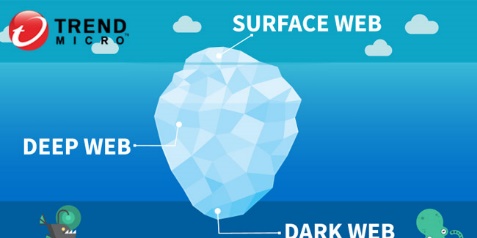
### 5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Kịch bản lừa đảo thông báo trúng thưởng với giải thưởng cực lớn đang quay trở lại hoành hành trên Facebook. Sau khi chiếm đoạt tài khoản Facebook cá nhân, nhiều đối tượng còn tung ra nhiều chiêu trò để lừa đảo khiến nhiều người dùng mất đi một khoản tiền không hề nhỏ. Ngay sau khi có tài khoản đã được đánh cắp, đối tượng sẽ thực hiện ngay việc chat với bạn bè/người thân hỏi thăm về sức khỏe, công việc và sau đó nhờ nhận hộ một số tiền chuyển từ nước ngoài về. Nạn nhân không biết tài khoản Facebook kia đã bị tấn công nên tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ.

Không chỉ vậy, nạn nhân còn có nguy cơ bị tấn công lấy tài khoản ngân hàng thông qua hình thức tấn công phishing. Sau khi thống nhất số tiền sẽ chuyển, đối tượng lừa đảo dùng một số điện thoại từ nước ngoài sẽ gửi 1 tin nhắn giả mạo thông báo từ Western Union đến số điện thoại của nạn nhân với nội dung đề nghị truy cập đường link trong tin nhắn SMS và xác nhận để có thể nhận được tiền Western Union.

Nạn nhân không biết đây là trang web phishing (một hình thức lừa đảo giả mạo các tổ chức uy tín như ngân hàng) nên đã nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu internet banking vào trang web giả mạo rồi gửi đi và đối tượng lừa đảo sẽ nhận được. Từ đó, đối tượng lừa đảo dùng thông tin internet banking vừa chiếm được từ nạn nhân để thực hiện giao dịch qua cổng thanh toán trực tuyến VTC Pay và cổng thanh toán VNPAY.

### 6. Deep web và Dark web



**Hình 10. Surface web, Deep web và Dark web**

### 6.1. Deep web

Thuật ngữ Internet và World Wide Web thường được sử dụng thay cho nhau, nhưng thực ra chúng không phải là một. Internet đề cập đến một mạng lưới rộng lớn của các mạng, hàng triệu kết nối máy tính trên khắp thế giới, nơi bất kỳ máy tính nào cũng có thể giao tiếp với nhau, miễn là chúng được kết nối Internet. World Wide Web là một mô hình chia sẻ thông tin, được xây dựng trên Internet, sử dụng giao thức HTTP, các trình duyệt như Chrome, Firefox và các trang web để chia sẻ thông tin. Web là một phần to lớn của Internet nhưng không phải là thành phần duy nhất. Ví dụ: email, tin nhắn không phải là một phần của web nhưng là một phần của Internet.

Web trên bề mặt (tiếng Anh: Surface web): Theo tạp chí PC Magazine, web bề mặt là một phần web có sẵn cho công chúng, hoàn chỉnh với những liên kết được công cụ tìm kiếm lập chỉ mục. BrightPlanet, một dịch vụ web thông minh, xác định web bề mặt chỉ chứa những trang web được lập chỉ mục và có thể được tìm kiếm bởi các công cụ tìm kiếm phổ biến như Google, Bing, Yahoo. Đôi khi, chúng còn được gọi là web hữu hình. Web bề mặt thường bao gồm những trang web có tên miền kết thúc bằng .com, .org, .net, .vn hoặc các biến thể tương tự. Nội dung của các trang web này không yêu cầu bất kỳ cấu hình đặc biệt nào để truy cập.

Web chìm (tiếng Anh: Deep web) hay còn gọi là web ẩn (invisible web, undernet, hay hidden web) là từ dùng để chỉ các trang hoặc nội dung trên thế giới mạng World Wide Web không thuộc về Web nổi (surface Web). Chúng gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục (index) và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường.

Web chìm bao gồm nhiều ứng dụng rất phổ biến như web mail và ngân hàng trực tuyến nhưng nó cũng bao gồm các dịch vụ mà người dùng phải trả tiền, và được bảo vệ bởi một paywall, như video theo yêu cầu, một số tạp chí và báo chí trực tuyến, và nhiều hơn nữa. Nó bao gồm email trong tài khoản Gmail, các bản kê ngân hàng trực tuyến, mạng nội bộ, tin nhắn trực tiếp qua Twitter, hình ảnh được đánh dấu riêng tư khi tải lên Facebook. Chính phủ, các nhà nghiên cứu và các công ty lưu trữ dữ liệu thô không thể tiếp cận được với công chúng. Nội dung này được lưu trữ trên các trang web động (được xây dựng dựa trên thông tin truy vấn) và những trang bị khóa, những trang cá nhân không liên kết ra bên ngoài. Theo Trend Micro, một phần quan trọng của Deep Web là được dành riêng cho những blog cá nhân hoặc chính trị, các trang tin tức, diễn đàn thảo luận, các trang web tôn giáo và thậm chí đài phát thanh.

### 6.2. Dark web

Mỗi thiết bị được kết nối với Internet đều có địa chỉ IP (Internet protocol) duy nhất. Tên và địa chỉ vật lý của một người có thể có được thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet với sự cho phép hợp pháp, còn IP cho phép bất cứ ai xác định vị trí của máy tính được kết nối. Do đó, các bên liên quan sẽ dễ dàng tìm được một người sử dụng Internet cụ thể.

Với mong muốn ẩn danh - đặc biệt là chính phủ khi tìm cách bảo vệ những thông tin, mạng lưới tình báo nhạy cảm - đã dẫn đến sự ra đời và phát triển của The Onion Router (Tor) do đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm nghiên cứu Hải Quân Hoa Kỳ tạo ra. Tên Onion (củ hành) bắt nguồn từ việc bạn phải lột ra nhiều "lớp vỏ" để có thể tìm thấy danh tính thật sự của người dùng.

Tor, được phát hành miễn phí cho người dùng vào năm 2004, cung cấp sự riêng tư bằng cách mã hóa và điều hướng lưu lượng truy cập thông qua một sê-ri "đường hầm ảo (virtual tunnel)", phân phối các giao dịch qua nhiều máy tính ngẫu nhiên trên Internet, do đó, không một máy tính nào liên kết người dùng đến cơ sở hoặc điểm đến của họ. Không giống như những trang web bề mặt (kết thúc bằng .com, .org, .net hoặc các biến thể tương tự), các trang Tor kết thúc bằng .onion và chỉ có thể được mở bằng phần mềm Tor.

Dark web (tạm dịch: web tối) là những nội dung mạng World Wide Web không thể truy cập bằng những cách thông thường mà phải sử dụng các phần mềm chuyên biệt [3]. Dark web là một phần nhỏ của deep web, một thế giới mạng mà các công cụ tìm kiếm như Google hay Bing không hiển thị ra.

Một số hoạt động thường thấy ở Dark Web:

- Chợ đen: Nhiều hoạt động thương mại bất hợp pháp diễn ra trên Dark web, ví dụ như: buôn bán tiền giả, thẻ ngân hàng hay tài khoản mạng bị đánh cắp, súng, ma túy và các chất kích thích, các sản phẩm không rõ nguồn gốc khác.

- Khủng bố: Vì tính ẩn danh cao, nhiều tổ chức tội phạm khủng bố như IS sử dụng không gian Dark web để phát tán các nội dung đến người dùng. Nói đến khủng bố thì không chỉ là IS mà còn có các tổ chức Mafia khác sử dụng mạng lưới này, đã từng có trường hợp chúng nhận hợp đồng thanh toán một người và hợp đồng đó đã ở trạng thái được thực thi.

- Khiêu dâm: Khiêu dâm trẻ em, ngược đãi hoặc làm tình với động vật, phát tán video quay lén là những nội dung hiện hữu trên dark web. Các nội dung này đều bị các tổ chức bảo vệ trẻ em cũng như các nước trên thế giới lên án và cố gắng dẹp bỏ

- Lừa đảo: Không hiếm những trường hợp lừa tiền hoặc thanh toán người khác trên Dark Web được thực thi.

## III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

### 1. Cơ sở pháp lý

### 1.1. Bộ luật Hình sự năm 2015

#### a. Hoàn cảnh ra đời

Ngày 27/11/2015, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Hình sự. Ngày 20/6/2017, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13. BLHS số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

#### b. Hiệu lực thi hành

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

#### c. Bố cục của Bộ luật Hình sự

Bộ luật hình sự gồm 26 Chương và 526 Điều, bao gồm:

- Chương I. Điều khoản cơ bản (Điều 01 – Điều 04).

- Chương II. Hiệu lực của bộ luật hình sự (Điều 05 – Điều 07)

- Chương III. Tội phạm (Điều 8 – Điều 19).

- Chương IV. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Điều 20– Điều 26).

- Chương V. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hính sự, miễn trách nhiệm hình sự (Điều 27 – Điều 29).

- Chương VI. Hình phạt (Điều 30 – Điều 45).

- Chương VII. Các biện pháp tư pháp (Điều 46 – Điều 49).

- Chương VIII. Quyết định hình phạt (Điều 50 – Điều 59).

- Chương IX. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 60 – Điều 68).

- Chương X. Xóa án tích (Điều 69– Điều 73).

- Chương XI. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 74 – Điều 89).

- Chương XII. Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 90 – Điều 107).

- Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 108 – Điều 122).

- Chương XIV. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123 – Điều 156).

- Chương XV. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân (Điều 157 – Điều 167).

- Chương XVI. Các tội xâm phạm sở hữu (Điều 168 – Điều 180).

- Chương XVII. Các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Điều 181 – Điều 187).

- Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Điều 188 – Điều 234).

- Chương XIX. Các tội phạm về môi trường (Điều 235 – Điều 246).

- Chương XX. Các tội phạm về ma túy (Điều 247 – Điều 259).

- Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 260 – Điều 329).

- Chương XXII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Điều 330 – Điều 351).

- Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ (Điều 352 – Điều 366).

- Chương XXIV. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367– Điều 391).

- Chương XXV. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 392– Điều 420).

- Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Điều 421– Điều 426).

Trong đó các Điều khoản trong luật thực hiện với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định tại **Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông** Chương XII gồm các Điều 285 đến 294.

+ Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

+ Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.

+ Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.

+ Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

+ Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông

+ Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.

+ Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại.

### 1.2. Luật An toàn thông tin 2015

#### a. Hoàn cảnh ra đời

Hiện nay, mạng Internet đã trở thành công cụ trung tâm để phát triển nền kinh tế và xã hội của mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, mạng internet cũng được coi là công cụ, phương tiện quan trọng để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh trong một thế giới cạnh tranh và toàn cầu hóa. Vì vậy, Việt Nam cần có các quy định pháp lý về an toàn thông tin để nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm ATTT, tạo môi trường bình đẳng cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

#### b. Hiệu lực thi hành

Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

#### c. Bố cục của Luật An toàn thông tin

Luật An toàn thông tin mạng gồm 08 Chương và 54 Điều, bao gồm:

- Chương I. Những quy định chung (Điều 01 – Điều 08) Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, chính sách của nhà nước, hợp tác quốc tế, những hành vi bị cấm trong hoạt động an toàn thông tin mạng và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thông tin mạng.

- Chương II. Bảo đảm an toàn thông tin mạng (Điều 09 – Điều 29) Chương này quy định 04 mục: Bảo vệ thông tin mạng; Bảo vệ thông tin cá nhân; Bảo vệ hệ thống thông tin; Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng.

- Chương III. Mật mã dân sự (Điều 30 – Điều 36) Chương này quy định các nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và các hoạt động có liên quan đến kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

- Chương IV. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng (Điều 37 – Điều 39) Chương này quy định các nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng; quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng và chứng nhận, công bố hợp quy và đánh giá, kiểm định an toàn thông tin mạng.

Chương V. Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (Điều 40 – Điều 48), gồm 02 mục: Giấy phép kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng; Quản lý nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

Đây là lĩnh vực rất mới, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng còn chưa đầy đủ, nên Luật an toàn thông tin mạng hướng tới việc hoàn thiện hành lang pháp lý đảm bảo thông thoáng, công bằng, phù hợp với thông lệ quốc tế, thúc đẩy thị trường phát triển bền vững

- Chương VI. Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng (Điều 49 – Điều 50). Chương này quy định về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn thông tin mạng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin mạng tại Việt Nam, thể hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua.

- Chương VII. Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng (Điều 51 – Điều 52). Hệ thống hoá thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, qua đó giúp các cơ quan này có thể tham chiếu một cách hệ thống, cơ bản về các quyền hạn và trách nhiệm của mình trong quá trình đảm bảo an toàn thông tin bên cạnh việc xác định các nội dung cụ thể xoay quanh nội dung quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bao gồm các hoạt động xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; hoạt động xây dựng và hoàn thiện thể chế; tổ chức thực thi các văn bản; quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; hoạt động thanh tra kiểm tra; hợp tác quốc tế...

- Chương VIII. Điều khoản thi hành (Điều 53 – Điều 54) quy định về hiệu lực thi hành.

### 1.3. Luật An ninh mạng 2018

#### a. Hoàn cảnh ra đời

Trước yêu cầu cấp bách của tình hình an ninh mạng trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; khắc phục những tồn tại, hạn chế cơ bản trong công tác bảo vệ an ninh mạng; thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về an ninh mạng; bảo đảm sự phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 12/6/2018, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 đã thông qua dự thảo Luật An ninh mạng với 86,86% đại biểu đồng ý.

#### b. Hiệu lực thi hành

Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

#### c. Bố cục của Luật An ninh mạng

Luật An ninh mạng gồm 07 Chương, 43 Điều. Bố cục của Luật cụ thể như sau:

**Chương I. Những quy định chung**,gồm 9 điều, (từ Điều 1 đến Điều 9) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng; biện pháp bảo vệ an ninh mạng; bảo vệ không gian mạng quốc gia; hợp tác quốc tế về an ninh mạng; các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

**Chương II. Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia**, gồm 6 điều (từ Điều 10 đến Điều 15), quy định về hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; thẩm định an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; đánh giá điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

**Chương III. Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng**, gồm 7 điều (từ Điều 16 đến Điều 22), quy định về phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng; phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tấn công mạng; phòng, chống khủng bố mạng; phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng; đấu tranh bảo vệ an ninh mạng.

**Chương IV. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng**, gồm 7 điều (từ Điều 23 đến Điều 29), quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; cổng kết nối mạng quốc tế; bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng; nghiên cứu, phát triển an ninh mạng; nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng; bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

**Chương V. Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng**, gồm 6 điều (từ Điều 30 đến Điều 35), quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng; bảo đảm nguồn nhân lực bảo vệ an ninh mạng; tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an ninh mạng; phổ biến kiến thức về an ninh mạng; kinh phí bảo vệ an ninh mạng.

**Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**, gồm 7 điều (từ Điều 36 đến Điều 42), quy định về trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

**Chương VII. Điều khoản thi hành**, gồm 01 điều (Điều 43), quy định về hiệu lực thi hành.

### 2. Các biện pháp

#### 2.1. Thứ nhất: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng.

Ngày nay, quan niệm về lãnh thổ, chủ quyền, biên giới của một quốc gia không chỉ là đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời, mà cả lãnh thổ không gian mạng, chủ quyền không gian mạng. Theo đó, lãnh thổ không gian mạng là một bộ phận hợp thành lãnh thổ quốc gia, nơi xác định biên giới mạng và thực thi chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia còn là bảo vệ không gian mạng của quốc gia, bao gồm, bảo vệ các hệ thống thông tin; các chủ thể hoạt động trên không gian mạng; hệ thống dữ liệu, tài nguyên mạng; các quy tắc xử lý và truyền số liệu. Đảm bảo quyền bình đẳng trong tham dự quản lý mạng Internet quốc tế; độc lập trong vận hành hạ tầng cơ sở thông tin thuộc lãnh thổ quốc gia; bảo vệ không gian mạng quốc gia không bị xâm phạm và quyền quản trị truyền tải cũng như xử lý số liệu của quốc gia.

Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức rõ các nguy cơ đến từ không gian mạng như: tấn công mạng, gián điệp mạng, khủng bố mạng, tội phạm mạng, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh mạng đang là thách thức gay gắt về an ninh, và bảo đảm an ninh mạng đang trở thành trọng tâm ưu tiên của quốc gia. Vì vậy, cần quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các định hướng hành động của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng và nhận thức rõ rằng, đe dọa trên không gian mạng là một trong những mối đe dọa thực tế và nguy hiểm nhất đối với an ninh quốc gia hiện nay.

#### 2.2. Thứ hai: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.

Phổ biến các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 (Mục 2, Điều 285-294) liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 09/2014/BTTTT ngày 19-8-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng mạng xã hội.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật An ninh mạng năm 2018. Luật An ninh mạng được xây dựng nhằm bảo vệ người dùng hợp pháp trên không gian mạng; phòng ngừa, đấu tranh, làm thất bại hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, chống Nhà nước, tuyên truyền phá hoại tư tưởng, phá hoại nội bộ, kích động biểu tình, phá rối an ninh trên mạng của các thế lực phản động. Phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả của các đợt tấn công mạng, khủng bố mạng và phòng, chống nguy cơ chiến tranh mạng.

Tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng, nhất là các hành vi sử dụng không gian mạng để tuyên truyền chống Nhà nước; tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật; hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội; phá hoại thuần phong, mỹ tục; xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội; thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

Các hình thức giáo dục cần được vận dụng đa dạng, phong phú và linh hoạt như: phối hợp giữa cơ quan chức năng với các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục tổ chức nói chuyện chuyên đề, phổ biến pháp luật; tuyên tuyền Luật An ninh mạng; các cuộc thi tìm hiểu về an toàn thông tin; góp ý xây dựng chương trình giáo dục an toàn thông tin mạng của các cơ sở giáo dục hoặc tham gia biên soạn các tài liệu liên quan đến an toàn thông tin mạng.

#### 2.3. Thứ ba: Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.

Hoạt động tấn công không gian mạng rất đa dạng và tinh vi như: làm mất kết nối Internet, đánh sập các website của chính phủ, cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp; giả mạo các website nhằm lừa đảo; cài gắm vào máy tính cá nhân hoặc lấy tài khoản và mật khẩu; đánh cắp dữ liệu cá nhân (hình ảnh, file, video); tấn công bằng mã độc (theo tệp đính kèm trong email hoặc ẩn trong quảng cáo Skype); tấn công ẩn danh bằng những phần mềm độc hại (phần mềm diệt virus, các trình duyệt); tấn công qua usb, đĩa CD, địa chỉ IP, server…

Ở mức độ cao hơn, các thế lực thù địch có thể thông qua block cá nhân lôi kéo, kích động các phần tử bất mãn, tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức chống đối như Việt Tân, Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời, Thanh Niên Dân Chủ,… núp dưới vỏ bọc các tổ chức “xã hội dân sự”, “diễn đàn dân chủ” để xuyên tạc cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nền tảng tư tưởng của Đảng.

Các thế lực thù địch còn lợi dụng báo điện tử, các website, dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội facebook, Zalo, Twitter, diễn đàn,... để phát tán các tài liệu, kêu gọi tuần hành, biểu tình, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống phá chính quyền, chia rẽ mối đoàn kết giữa Đảng và Nhân dân hoặc sử dụng “khoảng trống thông tin” để tấn công vào sự hiếu kỳ của công chúng; làm mới thông tin cũ, bịa đặt thông tin mới để chống phá. Các trang mạng có nhiều nội dung thông tin xấu, độc như Dân Làm Báo, Quan Làm Báo; Boxit, Dân Luận, Chân Dung Quyền Lực…

#### 2.4. Thứ tư: Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng.

Nêu cao ý thức chính trị, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ không gian mạng quốc gia. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng; kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng và các hành vi xâm phạm khác, thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giúp đỡ, tạo điều kiện cho người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Mỗi người cần nghiên cứu và sử dụng tốt các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin như bảo vệ tài khoản cá nhân bằng xác thực mật khẩu đa lớp; tạo thói quen quét virus trước khi mở file; thực hiện sao lưu dự phòng trên ổ cứng ngoài, mạng nội bộ hoặc trên các dịch vụ lưu trữ đám mây (Google Drive, OneDrive); kiểm tra lộ lọt thông tin tài khoản cá nhân qua Trung tâm xử lý tấn công mạng Việt Nam.

Người dùng không nên vào những trang web lạ (hoặc trang web đen), những email chưa rõ danh tính và đường dẫn đáng nghi ngờ; cập nhật bản trình duyệt, hệ điều hành và các chương trình sử dụng; dùng những phần mềm diệt virus uy tín và được cập nhật thường xuyên, không tắt chương trình diệt virus trong mọi thời điểm. Khi phát hiện bị tấn công trên không gian mạng, nhanh chóng ngắt kết nối mạng; sử dụng các công cụ giải mã độc; báo cho người có trách nhiệm qua đường dây nóng.

#### 2.5. Thứ năm: Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng.

Các cơ quan chuyên trách an ninh mạng (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an; Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng; lực lượng bảo vệ an ninh mạng tại bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia) cung cấp đầy đủ thông tin về xu hướng phát triển, các nguy cơ từ không gian mạng; các biện pháp phòng, chống tấn công trên không gian mạng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tăng cường cảnh báo khả năng mất an ninh mạng do đơn vị mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa; xây dựng các phương án xử lý với sự cố an ninh mạng; phối hợp, tạo điều kiện cho lực lượng chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh mạng. Các cơ sở giáo dục sớm đưa nội dung giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia vào chương trình dạy học phù hợp với ngành học, cấp học.

Lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường cần nắm vững mọi hoạt động và tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, quần chúng, có nội dung giáo dục, định hướng, điều chỉnh nhận thức đúng đắn, kịp thời; có trách nhiệm trong quản lý thông tin có liên quan tới cán bộ, đảng viên và quần chúng, có kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ trên không gian mạng.

**PHẦN 3. KẾT THÚC GIẢNG DẠY**

- Hệ thống lại toàn bộ bài giảng cho sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên ôn luyện: ôn theo các câu hỏi, chú ý phần trọng tâm, liên hệ trách nhiệm của bản thân trong tham gia học môn học GDQPAN.